TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10-7-2019
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Thu
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Thanh Cường
2. Bà Tô Thị Lành

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhớ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Cao Thảo Nga -Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2019/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2019 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị H**,** sinh năm 1980.
Địa chỉ: 65 Trần Đại N, tổ 6, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1976.
Địa chỉ: 65 Trần Đại N, tổ 6, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 01 năm 2019, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Chị và anh Trần Văn Đ tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai vào ngày 16-03-1999. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đời

sống hôn nhân không hạnh phúc chị và anh Đ đã sống ly thân hơn hai năm. Hiện nay không ai còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau, vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc nên không thể kéo dài cuộc sống chung với nhau được, do vậy chị H yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn Đ.

Về con chung: Chị H và anh Đ có 02 con chung là cháu Trần Văn X, sinh ngày 04-12-1999 và cháu Trần Thị Khánh H, sinh ngày 25-11-2003. Cháu X đã thành niên và tự nuôi mình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị có công việc ổn định nên chị yêu cầu Tòa án giao cháu H cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn Đ mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần Tòa án triệu tập đến hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên đã không trình bày được quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H về yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn Đ và giao cháu H cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Phạm Thị H yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn Đ, sinh năm 1976; địa chỉ: 65 Trần Đại N, tổ 6, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

[2] Bị đơn anh Trần Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Trần Văn Đ tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn hôn nhân theo chị H trình bày từ năm 2017 vợ chồng đã bất

đồng quan điểm, thường xuyên cải vã, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng vợ chồng vẫn mâu thuẫn gay gắt, đã sống ly thân từ đầu năm 2018. Qua kết quả xác minh của Tòa án tại nơi anh Đ, chị H cư trú thì anh Đ và chị H có mâu thuẫn trầm trọng, anh Đ thường dọa đánh chị H, hiện chị H và anh Đ đã sống ly thân. Anh Đ mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến để tham gia hòa giải, xét xử nhưng anh Đ không đến, thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến việc tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng với chị H. Hội đồng xét xử xét thấy: chị H và anh Đ đã không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2018 cho đến nay, không ai còn quan tâm lo lắng, chăm sóc cho nhau, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh Đ như vậy là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị H theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về việc nuôi con: Chị H và anh Đ có 02 con chung là cháu Trần Văn X, sinh ngày 04-12-1999 và cháu Trần Thị Khánh H, sinh ngày 25-11-2003, chị H có nguyện vọng được nuôi cháu Trần Thị Khánh H, sinh ngày 25-11-2003, còn cháu Trần Văn X, sinh ngày 04-12-1999 đã thành niên và tự lập nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, cháu H đang sống cùng chị H, được chị H nuôi dưỡng, nguyện vọng của cháu được ở với chị H, chị H đang trong độ tuổi lao động, có công việc ổn định, thu nhập 5.000.000 đồng/tháng, đảm bảo đủ điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H. Anh Đ không đưa ra ý kiến phản đối. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, giao con chung là cháu H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H, cụ thể như sau:

1. *Về hôn nhân*: Chị Phạm Thị H ly hôn với anh Trần Văn Đ.

2. *Về việc nuôi con*: Thuận theo nguyện vọng của cháu Trần Thị Khánh H giao cho chị Phạm Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Thị Khánh H, sinh ngày 25-11-2003 cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về án phí*: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004562 ngày 14 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp.P;
- THADS Tp.P;
- UBND xã N,
huyện C, tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Thu